

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tấn Phát

2. Bà Lưu Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ 19/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thân Thị Tuyết M, sinh năm: 1972; Địa chỉ: số 5, tổ 13, ấp TL xã TB, thành phố TN, tỉnh TN. Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Ông Trần Văn X, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Số 5, tổ 13, ấp TL, xã TB, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thân Thị Tuyết M trình bày:

Bà và ông Trần Văn X chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn số 98 quyển số 01 ngày 13/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau. Ông X không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường ăn chơi và không lo làm ăn, mỗi lần như vậy vợ chồng lại cãi nhau. Hơn 01 năm trở lại đây vợ chồng không nói chuyện với nhau, không sinh hoạt chung. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được và mục đích hôn nhân không còn.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông X

Về con chung: Bà và ông X có 02 con chung là Trần Thị Như P, sinh ngày 21/10/2001 và Trần Thị Như N, sinh ngày 11/3/2011. Chị P đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết bà và ông X không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Văn X không đến Tòa án làm việc, không gửi bản tự khai nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Bà M và ông X chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn số 98 quyền số 01 ngày 13/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thành nên quan hệ hôn nhân của bà M và ông X là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông X không hợp tác, không đến Tòa án làm việc thể hiện ông X không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M, qua đó cho thấy, ông X và bà M đã có mâu thuẫn trầm trọng trong mối quan hệ hôn nhân. Tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông X không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà M, cho bà M được ly hôn với ông X.

- Con chung: Bà M và ông X có 02 con chung là Trần Thị Như P, sinh ngày 21/10/2001 và Trần Thị Như N, sinh ngày 11/3/2011. Chị P đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu N chưa thành niên bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy do ông X không có ý kiến, cháu N có nguyện vọng được sống cùng bà M nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu Ngọc cho bà M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

- Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Thân Thị Tuyết M có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

Bị đơn ông Trần Văn X được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thân Thị Tuyết M và ông Trần Văn X chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn số 98 quyển số 01 ngày 13/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân của bà M với ông X là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy bà M và ông X đã có thời gian chung sống hôn nhân với nhau từ năm 2000. Trong quá trình chung sống giữa bà M và ông X đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông X sống không có trách nhiệm với gia đình, không cùng bà M tạo lập kinh tế, không chăm lo vun vén cho gia đình như mục đích của hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông X không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, thể hiện ông X không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M để tiếp tục xây dựng lại gia đình. Qua đó cho thấy, bà M và ông X đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa họ không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà M và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, cho bà M được ly hôn với ông X.

[3] Về con chung:

Bà M và ông X có 02 con chung là Trần Thị Như P, sinh ngày 21/10/2001 và Trần Thị Như N, sinh ngày 11/3/2011. Chị P đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu N chưa thành niên và bà M có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy do ông X không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà M, cháu N có nguyện vọng được sống cùng bà M nên Hội đồng xét thấy giao cháu N cho bà M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Chấp nhận yêu cầu của bà M và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, giao cháu N cho bà M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận bà M không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà M phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Tuyết M đối với ông Trần Văn X.

Cho bà Thân Thị Tuyết M được ly hôn với ông Trần Văn X. Bà Thân Thị Tuyết M và ông Trần Văn X chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung:

Chị Trần Thị Như P, sinh ngày 21/10/2001 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Trần Thị Như N, sinh ngày 11/3/2011 cho bà Thân Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Ghi nhận bà Thân Thị Tuyết M không yêu cầu ông Trần X cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc.

Sau khi ly hôn, ông Trần Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Thân Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Mai đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001166 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà Mai đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- THADS thành phố Tây Ninh;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa

